TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGÔ QUYỀN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST Ngày 22-8-2019 V/v tranh chấp về xác định con cho cha	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Bấm

Bà Hà Thị Mão

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Thùy, Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Tô Thị Hoài Thu, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp về xác định con cho cha theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 427/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn L; nơi cư trú: đường A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Tuyết T; nơi cư trú: đường A, phường D, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh Đặng Tuấn A; nơi cư trú: đường E, phường G, thành phố H, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết vụ dân sự xác định con cho cha ngày 21/3/2019, trong bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

Khoảng cuối năm 2013, anh L và chị Nguyễn Thị Tuyết T có quen biết và nảy sinh quan hệ tình cảm. Thời điểm đó chị T vẫn chưa ly hôn chồng là anh Đặng Tuấn A, sinh năm 1972; địa chỉ: đường E, phường G, thành phố H, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tuy nhiên, chị T và anh Tuấn A đã xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2012. Tháng 9/2014 chị và anh L cùng vào thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu sinh sống và đã có con chung là cháu bé trai sinh ngày 14/9/2014 theo giấy chứng sinh số 35, quyển số 166 ngày 19/9/2014 của bệnh viện Bà Rịa. Sau đó, chị T và anh Đặng Tuấn A đã giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 387/2014/QĐST-HNGĐ ngày 30/9/2014.

Anh L và chị T đã về Hải Phòng sinh sống và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng ngày 28/3/2018.

Để làm thủ tục đăng ký giấy khai sinh cho con trai, đảm bảo quyền lợi cũng như trách nhiệm của anh L đối với cháu bé trai do chị Nguyễn Thị Tuyết T sinh ra, anh L đã làm thủ tục giám định gen (ADN) xác định quan hệ huyết thống cha - con giữa anh L và cháu bé trai sinh ngày 14/9/2014 (là con của chị Nguyễn Thị Tuyết T). Tại Kết luận giám định số 10/2019-GĐSV ngày 12/02/2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an thành phố Hải Phòng đã kết luận: Anh Nguyễn Văn L và cháu bé trai do chị Nguyễn Thị Tuyết T sinh ra ngày 14/9/2014 có mối quan hệ huyết thống cha - con… Vì vậy, anh Nguyễn Văn L có đơn yêu cầu Tòa án xác định cháu bé trai do chị Nguyễn Thị Tuyết T sinh ra ngày 14/9/2014 là con của anh Nguyễn Văn L.

Về án phí: Anh L nhận nộp cả án phí dân sự sơ thẩm.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết T trình bày trong bản tự khai và quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa như sau:

Trước đây chị T có kết hôn với anh Đặng Tuấn A và anh chị sinh sống tại thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Do cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên chị T và anh Tuấn A đã sống ly thân từ năm 2012. Đến cuối năm 2013 chị T về thành phố Hải Phòng sinh sống và đã quen biết, nảy sinh quan hệ tình cảm với anh Nguyễn Văn L. Sau đó, chị T và anh L vào thành phố Vũng Tàu sinh sống và có một con chung là cháu bé trai sinh ngày 14/9/2014. Đến ngày 30/9/2014 chị T và anh Tuấn A mới giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 387/2014/QĐST-HNGĐ. Chị T cũng xác nhận đã làm thủ tục đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn L.

Hiện nay, cháu bé trai do chị sinh ra và anh L đã tiến hành giám định ADN xác định quan hệ huyết thống cha - con như anh L đã trình bày. Vì vậy, anh L có

đơn đề nghị Tòa án xác định cháu bé trai do chị sinh ra ngày 14/9/2014 là con đẻ của anh L để đảm bảo quyền lợi cho con, chị T đồng ý.

Về án phí: Chị T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đặng Tuấn A đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có quan điểm trong bản tự khai ghi ngày 13/6/2019 gửi Tòa án như sau:

Anh Đặng Tuấn A có vợ là chị Nguyễn Thị Tuyết T, do cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân từ khoảng tháng 9/2013; đến tháng 9/2014 anh Tuấn A và chị T đã giải quyết ly hôn tại Tòa án. Trong khoảng thời gian này chị T có quan hệ tình cảm và có con chung với anh Nguyễn Văn L. Anh Tuấn A khẳng định cháu bé sinh ngày 14/9/2014, do chị T sinh ra đó không phải là con của anh Tuấn A. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được tống đạt hợp lệ, đã có quan điểm trong hồ sơ vụ án và đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án đã thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 101 Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đề nghị Tòa án áp dụng khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xác định cháu bé trai sinh ngày 14/9/2014 do chị T sinh ra là con đẻ của anh Nguyễn Văn L. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016, chị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; chấp nhận sự tự nguyện của anh L nhận nộp cả án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về xác định con cho cha được quy định tại khoản 4 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết T cư trú trên địa

bàn quận Ngô Quyền nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 101 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về thời hạn giải quyết vụ án: Vụ án thụ lý ngày 29/3/2019 đến ngày 29/7/2019 có quyết định đưa vụ án ra xét xử là đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Đặng Tuấn A đến phiên tòa. Anh Tuấn A đã được tống đạt hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đã có quan điểm trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét về nội dung vụ án:

- Về việc xác định con cho cha:

[4] Chị Nguyễn Thị Tuyết T kết hôn với anh Đặng Tuấn A và sinh sống tại thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Do cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn nên chị T và anh Tuấn A đã sống ly thân từ năm 2013. Đến cuối năm 2013 chị T về thành phố Hải Phòng sinh sống nên đã quen biết và nảy sinh quan hệ tình cảm với anh Nguyễn Văn L. Anh L và chị T có một con chung là cháu bé trai sinh ngày 14/9/2014 theo giấy chứng sinh số 35, quyển số 166 ngày 19/9/2014 của Bệnh viện Bà Rịa. Đến ngày 30/9/2014 chị T và anh Tuấn A giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 387/2014/QĐST-HNGĐ. Ngày 28/3/2018, anh L và chị T đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

[5] Tại Bản Kết luận giám định số 10/2019-GĐSV ngày 12/02/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng đã kết luận: " Anh Nguyễn Văn L và cháu bé trai do chị Nguyễn Thị Tuyết T đẻ ra ngày 14/9/2014 có mối quan hệ huyết thống Cha - Con, với độ tin cậy là 99,9999...% (Chín chín phẩy chín chín chín chín...phần trăm).

[6] Vì vậy, Hội đồng xét xử xét việc anh L yêu cầu Tòa án xác định cháu bé trai do chị T sinh ra là con của anh L là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

- Về án phí:

[7] Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn L được chấp nhận nên bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết

T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; chấp nhận sự tự nguyện của anh L nhận nộp cả án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L về việc xác định con cho cha:

1. Cháu bé trai, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2014 theo giấy chứng sinh số 35, quyển số 166 ngày 19/9/2014 của Bệnh viện Bà Rịa (do chị Nguyễn Thị Tuyết T sinh ra) là con đẻ của anh Nguyễn Văn L.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Tuyết T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn L nhận nộp cả án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 15706 ngày 29 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Anh L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Nguyên đơn Anh Nguyễn Văn L và bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đặng Tuấn A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Thu